

Bản án số: 22/2023/DS-PT  
Ngày 14-3-2024  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Duy Thạch

Bà Lê Thị Hải Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số A phố N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T1 (tức Phạm Doãn T2), sinh năm 1956; nơi ĐKKHKT: Tổ Đ, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà A ngõ A đường P, tổ Đ, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1959, nơi ĐKKHKT: Tổ Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Doãn M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số A đường T, tổ Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Doãn M: Ông Đặng Quốc V, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số D đường N, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Doãn M: Ông Trần Tuấn A, luật sư Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số A đường T, tổ Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị M1: Ông Bùi Quang H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tập thể X, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Số A đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023); có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị T3 thống nhất trình bày:

Bố mẹ đẻ nguyên đơn là cụ Phạm Doãn C chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị T4 chết năm 2002, đều không để lại di chúc. Cụ C và cụ T4 có 05 con chung, trong đó có 01 người con là Phạm Doãn C1 chết khi 06 tuổi nên đến nay chỉ có 04 con chung là Phạm Thị T, Phạm Văn T1, Phạm Thị T3 và Phạm Doãn M; không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ đẻ của cụ C, cụ T4 đều chết trước 02 cụ từ lâu (nguyên đơn không nhớ rõ năm nào).

Khi còn sống, các cụ đã tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng 1.225,8m<sup>2</sup> đất (theo đo vẽ thực tế ngày 09/5/2023 là 1.275,9m<sup>2</sup>) tại thửa 969 tờ bản đồ số 6 phường V, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng) và các tài sản trên đất gồm nhà 3 gian lợp ngói, 2 gian bếp, bể nước, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/4/1998, Nhà nước thực hiện công tác quản lý đất đai đã đến gia đình cụ C làm thủ tục đo vẽ, xác định ranh giới, mốc giới, lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất, lập bản đồ địa chính. Tại thời điểm đó có mặt cụ C, cụ T4, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị T3, vợ chồng ông M, bà M1. Khi đoàn công tác hỏi ai là người đại diện cho gia đình đứng tên trên thửa đất, thì cả gia đình đều thống nhất cử ông Phạm Doãn M đứng tên thửa đất cho tiện việc nộp thuế, chứ không phải xác định ông Phạm Doãn M là chủ sử dụng đất và có toàn quyền sử dụng đối với thửa đất này. Việc ông Phạm Doãn M cho rằng cụ C, cụ T4 cho ông M toàn bộ diện tích đất trên của các cụ là

không đúng. Vì lúc còn sống các cụ chưa bao giờ nói về việc phân chia tài sản nhà đất của hai cụ cho các con và khi các cụ chết cũng không để lại di chúc. Vì thế đến nay thửa đất này vẫn chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M hay bất cứ ai, do không có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình. Sau khi các cụ chết thì toàn bộ nhà cửa và diện tích đất của các cụ để lại do vợ chồng ông M bà M1 quản lý, sử dụng. Do các cụ chết không để lại di chúc nên các nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị ông M chia tài sản của các cụ để lại cho anh chị em mỗi người một phần diện tích đất để làm nhà ở, nhưng ông M khất lẩn và có lúc nói chia cho mỗi người 100m<sup>2</sup>; có lúc nói sau này bán cho mỗi người ít tiền để làm của hồi môn, nhưng sau đó không phân chia cho các anh chị em dẫn đến tranh chấp.

Năm 2010 nguyên đơn đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Kiến An yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ nguyên đơn là cụ C, cụ T4 cho các con, sau đó tại phiên tòa thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chia di sản của cụ T4. Tòa án nhân dân quận Kiến An xử sơ thẩm ngày 18/5/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phúc thẩm ngày 10/7/2013 đã hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm lần 2, Tòa án nhân dân quận Kiến An đã yêu cầu nguyên đơn phải viết lại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã viết Đơn khởi kiện gửi Tòa ngày 12/10/2020 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T4. Sau đó, nguyên đơn nghiên cứu lại thấy hoàn toàn có thể khởi kiện đến Tòa án để chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, nguyên đơn đã viết Đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân quận Kiến An để nghị chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C. Tuy nhiên, Tòa án quận Kiến An đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C với lý do là đơn khởi kiện bổ sung vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu, thời điểm nguyên đơn nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Kiến An thì Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc Tòa án nhân dân quận Kiến An không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C với lý do nêu trên là không đúng. Nguyên đơn đã kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế của cả bố mẹ nguyên đơn (cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4) là 1.225,8m<sup>2</sup> đất (số đo thực tế là 1.275,9m<sup>2</sup>) và các tài sản trên đất tại thửa 969, tờ bản đồ số 6 phường V (nay là tổ Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Trị giá quyền sử dụng đất của cụ C và cụ T4 khoảng 1.300.000.000 đồng. Đề nghị của nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét. Vì vậy tại Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2022/DS-PT ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Kiến An để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An chia toàn bộ di sản thừa kế của cả bố mẹ nguyên đơn (cụ C và cụ T4) là quyền sử dụng 1.275,9m<sup>2</sup> 1 đất (theo đo vẽ thực tế) tại thửa 969, tờ bản đồ số 6 cụm Đ (nay là tổ Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng theo pháp luật. Nguyên đơn đề nghị chia di sản bằng hiện vật và các đồng nguyên đơn được nhận chung diện tích đất được chia. Toàn bộ di sản này hiện vợ chồng ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 đang quản lý sử dụng.

Đối với các tài sản trên đất gồm nhà 3 gian lợp ngói, 2 gian bếp, bể nước do bố mẹ nguyên đơn xây dựng đã lâu nên bị xuống cấp, hư hỏng, vợ chồng ông M, bà M1 xây dựng lại toàn bộ nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản trên đất.

\* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 thống nhất trình bày:

Ông M đồng ý với quan điểm của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Cụ C chết ngày 07/01/1999 và cụ T4 chết ngày 02/02/2002 không để lại di chúc. Năm 1985 sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự ông M trở về, đến cuối năm 1992 thì kết hôn với bà M1 và ở cùng với các cụ trong ngôi nhà của các cụ, còn các anh chị em thì đi lấy vợ, lấy chồng và ở chỗ khác. Nguồn gốc thửa đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là của ông cha để lại cho cụ C và cụ T4. Khi các cụ còn sống thửa đất này mang tên các cụ, nhưng từ năm 1998, các cụ đồng ý và làm thủ tục cho ông M đứng tên. Trước đây, ông M cũng đồng ý tách cho mỗi người 100m<sup>2</sup> nhưng các anh chị nói đất có nguồn gốc của cụ C và cụ T4 nên phải chia làm 04 phần nên bị đơn không đồng ý. Nay các nguyên đơn khởi kiện, ông M không đồng ý phân chia. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông M đã xây nhà, xây tường bao và trồng cây cối. Ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì toàn bộ diện tích đất của cụ C và cụ T4 đã cho ông M từ khi các cụ còn sống (vào ngày 12/01/1993 nhân ngày giỗ tổ), việc cho này không có văn bản nhưng các cô dì, chú bác trong chi họ đều thừa nhận. Ngày 12/01/1995, ngày giỗ T5 chi họ P, cụ C tuyên bố trước họ tộc cho ông M được toàn quyền sử dụng diện tích đất trên nhưng không có văn bản ghi nhận điều này. Thực tế, sau ngày 12/01/1995 cụ C cầm quyền sổ đóng thuế đứng tên cụ C gặp Trưởng thôn thực hiện việc tách sổ thành 03 quyển: Quyển thứ nhất đứng tên Phạm Doãn T2 (Phạm Văn T1), quyển thứ hai đứng tên Phạm Thị T3 và quyển thứ ba đứng tên Phạm Doãn M. Còn bà T được các cụ cho 01 chiếc xe Faborit và số tiền trị giá 1.500.000 đồng. Như vậy, các cụ đã phân chia tài sản cho các con. Ngày 16/11/1998, cụ C khi đó còn khoẻ mạnh đã cầm quyền sổ phân chia từ năm 1995 đến Ủy ban nhân dân phường V để chuyển quyền sử dụng đất sang tên ông M nên ông M đã chính thức có tên trong sổ địa chính của Ủy ban nhân dân phường. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2013, ông M trình bày: Việc ông M đứng tên trong sổ địa chính từ thời điểm nào thì ông M không biết, sau này khi có tranh chấp thì ông M mới biết ông M đã đứng tên trong sổ địa chính của phường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M1 thống nhất trình bày: Diện tích đất ông M, bà M1 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ C và cụ T4. Tuy nhiên, khi các cụ còn sống đã cho ông M từ năm 1993 nên ông M là người nộp thuế cho nhà nước từ năm đó đến nay và ông M đã đứng tên trong sổ mục kê năm 1998. Sở dĩ bố mẹ ông M cho ông M nhà đất của các cụ là để vợ chồng ông M gánh vác việc thờ cúng và nuôi dưỡng các cụ, vì các anh chị em khác trong gia đình đều từ chối việc này. Vì vậy, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với các tài sản trên đất của cụ C và cụ T4 gồm căn nhà 3 gian lợp ngói, 2 gian bếp, bể nước do các cụ xây dựng đã lâu, bị xuống cấp, hư hỏng hết nên vợ chồng ông M và bà M1 đã phá đi xây dựng lại toàn bộ nhà, công trình phụ, sân, cổng và tường bao từ năm 2013- 2015, không có giấy phép xây dựng. Ông M, bà M1 không kê khai cụ thể các tài sản trên diện tích đất tranh chấp mà vợ chồng ông M bà M1 đã làm, hiện đang quản lý, sử dụng và các đương sự cũng không có tranh chấp gì với nhau về các tài sản này. Ông M và bà M1 cũng xác nhận không có tranh chấp gì với các hộ giáp ranh về mốc giới của thửa đất số 969, tờ bản đồ số 6.

\* Tài liệu xác minh thể hiện:

- Biên bản xác minh ngày 30/6/2023 tại UBND phường V thể hiện nguồn gốc đất như sau: Hiện tại Ủy ban nhân dân phường V lưu hồ sơ quản lý đất đai gồm có: Bản đồ địa chính lập năm 1998, hoàn thành tháng 01/1999 và S mục kê năm 1999. Theo các tài liệu này thì thửa đất số 969, tờ bản đồ số 6, diện tích 1225,8m<sup>2</sup> loại đất thổ cư tại phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, nay là Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là Phạm Doãn M. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1998 ông M đang là người quản lý sử dụng thửa đất này nên cơ quan đo đạc ghi tên ông M. Hiện thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất này, thì Ủy ban nhân dân phường V căn cứ vào tài liệu hiện lưu, ngoài ra còn phải xác minh nguồn gốc của thửa đất và tình trạng tranh chấp của thửa đất. Nguồn gốc của thửa đất này là do ông cha của ông M để lại, còn việc đã cho ông M hay chưa thì chính quyền địa phương không nắm được. Thửa đất này phù hợp với quy hoạch đất ở khu dân cư và không có tranh chấp với các hộ giáp ranh về mốc giới.

- Kết quả xem xét thẩm định ngày 09/5/2023: Khi tổ công tác tiến hành kiểm tra đo đạc, xem xét thẩm định đối với tài sản có tranh chấp, ông M và bà M1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản không hợp tác, không đồng ý cho tổ công tác tiến hành xem xét, thẩm định tài sản nên tổ công tác chỉ có thể quan sát xem xét thẩm định tài sản từ bên ngoài, lấy mốc giới của các hộ giáp ranh. Kết quả xác định Thửa đất số 969, tờ bản đồ số 6, có diện tích thực tế là 1275,9m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn mạ màu; 01 khu nhà vệ sinh + nhà phụ; 01 lán tôn kẽm; 01 sân lát gạch đỏ; 01 lối đi đổ bê tông; 01 cổng inox kích thước 3mx2,5m; xung quanh xây tường bao gạch chỉ cao trung bình khoảng 2m, tường phía trước cao

1,1m phía trên có hàng rào inox cao 60cm; trong vườn có 03 cây mít phi 10, 03 cây mít phi 0,5, 01 cây dừa

- Theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/5/2023 của Hội đồng định giá: Giá thị trường 01 m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 6, địa điểm Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng tại thời điểm định giá có mức giá là 8.000.000/m<sup>2</sup>. Di sản của hai cụ để lại là 1275,9m<sup>2</sup> x 8.000.000đ = 10.207.200.000đ. Đối với giá trị tài sản trên đất, do tại thời điểm xem xét, thẩm định, Hội đồng định giá không tiếp cận, khảo sát tài sản trên thửa đất đang tranh chấp nên không có đủ căn cứ để định giá tài sản.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của TAND quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Xác định diện tích 1.275,9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4 để lại. Di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật như sau:

- Giao cho ông Phạm Doãn M được quyền sử dụng phần đất có chú giải là Thửa S2 diện tích 510,36 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, trên đất có các tài sản: 01 nhà ở tường gạch, mái ngói (G1); 01 nhà phụ tường gạch, mái tôn kẽm (G2); lán bếp xà gồ, mái tôn kẽm (L); sân lát gạch đỏ (S); lối đi mặt đỏ bê tông (BT); cổng inox (C). Các tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1.

- Giao cho bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1 (tức Phạm Doãn T2), bà Phạm Thị T3 được quyền sử dụng phần đất có diện tích đất 765,54 m<sup>2</sup> (trong đó, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1 (tức Phạm Doãn T2), bà Phạm Thị T3 mỗi người được quyền sử dụng 255,18 m<sup>2</sup> đất) tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, trên đất có một phần cổng, tường bao và cây cối. Gồm 02 phần như sau:

+ Phần đất có chú giải là Thửa S1 diện tích 105,90 m<sup>2</sup>

+ Phần đất có chú giải là Thửa S3 diện tích 659,64 m<sup>2</sup>

Buộc bị đơn là ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị M1 phải tháo dỡ phần cổng và tường bao đối với vị trí đất mà bà T, ông T2 và bà T3 được giao.

Vị trí, kích thước diện tích đất có sơ đồ kèm theo. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 có đơn kháng cáo Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của TAND quận Kiến An không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn; đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông M và bà M1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày căn cứ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm:

- Bản án sơ thẩm cho rằng tài sản tranh chấp là di sản của cụ C, cụ T4 là không đúng. Vì hai cụ đã tặng quyền sử dụng thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 cho ông M và bà M1. Mặc dù không có văn bản tặng cho ông M quyền sử dụng thửa đất (là di sản thừa kế) nhưng có tuyên bố bằng miệng trước nhiều người trong đó có những người cao tuổi thuộc chi 3 dòng họ Phạm Doãn .

- + Hồ sơ địa chính đều năm 1998 đều đứng tên ông Phạm Doãn M

- + Khi cơ quan có thẩm quyền đến đo vẽ ông Phạm V1 (D) Thân đã từ chối đứng tên và trước mặt đoàn công tác, mọi người đều đồng ý cho ông M đứng tên trên thửa đất.

- + Sau khi được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng ông M sinh sống ổn định, đóng thuế hàng năm (đóng thuế từ năm 1995 đến nay) và lo mọi chi phí phụng dưỡng bố mẹ ốm đau, xây mộ (hơn 2,6 triệu đồng), cải tạo thửa đất ...

- + Năm 1995 cụ C đã phân chia tài sản (quyền sử dụng đất) cho các con, cụ đã tách sổ ruộng đất ra làm 03 quyển (cho ông T2, ông M và của cụ C)

- Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ di sản thừa kế là tài sản trên đất (ngoài nhà trên đất) là gồm có những gì, thuộc sở hữu của ai để nếu giao cho nguyên đơn phần diện tích đất có tài sản sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ sở hữu tài sản.

- Phần công sức quản lý di sản Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính bằng 1 suất công sức cho ông M mà không tính công sức cho bà M1 vì bà M1 kết hôn với ông M từ năm 1992 và sinh sống trên đất, ở với bố mẹ cho đến khi hai cụ chết và trông coi tài sản, xây dựng nhà cửa ở cho đến nay. Hơn nữa, 1 suất công sức chưa đảm bảo quyền lợi của ông M, bà M1 (đóng thuế, xây mộ...)

- Hai con của ông M, bà M1 là anh T6 và anh H1 cũng sinh sống trên đất; có công sức trong việc gìn giữ, quản lý di sản nhưng không được chia công sức. Anh T6 còn đóng góp 1.000.000.000 đồng cho ông M, bà M1 để xây nhà năm 2015 nên ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T6.

Anh T6 có văn bản trình bày ý kiến về việc đóng góp tiền với ông M, bà M1 để xây dựng tài sản trên đất nhưng không có tài liệu chứng minh và trình bày đang cư trú cùng bố mẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng trong vụ

án; đề nghị bổ sung 02 con của bị đơn là anh Phạm Thanh T7 và Phạm Thanh H2 tham gia tố tụng trong vụ án.

- Bản án sơ thẩm chưa giải quyết về nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đã chia thừa kế là vi phạm quyền và nghĩa vụ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và bà M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và thống nhất trình bày theo quan điểm của người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp như sau: Khi còn sống các cụ đã chia sổ ruộng đất cho ông T2. Thừa đất tranh chấp hai cụ đã cho ông M để ông M có trách nhiệm chăm sóc bố mẹ, lo thờ cúng, xây mộ... và lo mọi việc trong gia đình. Thực tế, khi các cụ còn sống và ốm đau do vợ chồng bị đơn chăm sóc. Tiền xây mộ hết hơn 2,6 triệu là của vợ chồng ông M, tiền bốc mộ bố mẹ, tiền chăm sóc bố mẹ, tiền nộp thuế .. đều do vợ chồng ông M, bà M1 bỏ ra còn các nguyên đơn không có trách nhiệm gì.

Bà M1 kết hôn với ông M năm 1992 và hai vợ chồng ở trên đất tranh chấp cùng với bố mẹ ông M từ đó đến nay. Bà M1 và ông M có 02 người con trai là anh Phạm Thanh T7, sinh năm 1993 và anh Phạm Thanh H2, sinh năm 1997. Các con của ông bà khi lớn lên đi làm, anh H2 đưa lương hàng tháng cho bố mẹ còn anh T7 bỏ ra 01 tỉ đồng để góp vào cùng ông M, bà M1 xây căn nhà hiện tại. Tài sản các cụ để lại đã cũ hỏng nên ông M, bà M1 xây lại nhà và các tài sản trên đất khoảng năm 2013 - 2015.

Ông M và bà M1 yêu cầu tính công sức gìn giữ, tôn tạo di sản của bà M1 và 02 con là anh T7, anh H2.

Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án và không tính công sức đóng góp trong việc gìn giữ, quản lý, tôn tạo di sản là bà M1, anh T7 và anh H2. Quyền sử dụng thửa đất số 969 không phải là di sản thừa kế mà là tài sản của ông M và bà M1 vì khi cụ C và cụ T4 còn sống đã tặng cho vợ chồng bị đơn tài sản này. Việc tặng cho này tuy không có văn bản nhưng được thể hiện ở xác nhận của những người làm chứng là ông T8, bà L; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất do cơ quan chức năng lập mang tên ông Phạm Doãn M. Diện tích đất trên chưa được cấp GCN nhưng trong hồ sơ địa chính ở địa phương đã được mang tên ông M - đây là giấy tờ có giá trị pháp lý cao nhất khi diện tích đất chưa được cấp GCN. Ủy ban nhân dân phường đã xác nhận thửa đất đứng tên ông M trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Ông M, bà M1 ở trên đất và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ sử dụng đất, nộp thuế liên tục đầy đủ từ năm 1995 đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng án lệ 03/2016 công nhận diện tích đất tranh chấp là của ông M. Bản án sơ thẩm cũng không đánh giá công sức trong việc lấp ao, cải tạo làm tăng giá trị đất của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tài sản tranh chấp không phải là di sản thừa kế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Kiến An.

Các đồng nguyên đơn ông T2, bà T3 có mặt tại phiên tòa trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và đồng ý với nội dung của Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Kiến An; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà M1. Việc ông M trình bày tại phiên tòa là không đúng. Khi các cụ xây nhà các anh em đều cùng giúp bố mẹ trồng cây, đóng gạch xây nhà cho bố mẹ; khi bố mẹ già vẫn qua lại cùng chăm sóc bố mẹ, cùng góp tiền xây mộ. Khi đoàn đo vẽ đến đo đạc cả gia đình thống nhất để ông M đứng tên để tiện cho việc đóng thuế. Không có việc bố mẹ cho ông M đất mà các anh chị em khác lại không biết vì các nguyên đơn chưa ký cho ông M phần thừa kế của mình. Việc cụ C tách sổ làm 3 quyền là tách đất ruộng vì trước tất cả cùng làm chung sau đó thu hoạch thóc về nhà ông M nên cụ C tách sổ để chia ruộng ra làm riêng, thu hoạch thóc của nhà ai về nhà người ấy. Khi bố mẹ còn sống chưa chia đất cho các con, khi chết cũng không để lại di chúc nên đất vẫn chưa làm được GCN. Vì vậy, đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ C, cụ T4 theo pháp luật cho hàng thừa kế gồm 4 người là ông T2, ông M, bà T3 và bà T. Do tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị đơn không đồng ý cho Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ cũng như định giá tài sản nên Tòa án sơ thẩm đã chia cho các đồng nguyên đơn nhận chung 02 phần diện tích đất là phần đất trồng, không liền nhau. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho đồng nguyên đơn nhận chung diện tích đất và dồn vào một vị trí để thuận tiện cho việc sử dụng; bà T3 và ông T2 đồng ý nhận diện tích đất ít hơn diện tích đất được chia nếu ảnh hưởng công trình kiến trúc kiên cố của nhà ông M, bà M1; bà T cũng đã có văn bản gửi Tòa án đồng ý về quan điểm này nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thay đổi lại vị trí đất được chia của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm gửi Tòa án.

Về quan điểm đối với kháng cáo của ông M và bà M1:

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ C chết năm 1998 và cụ T4 chết 2002. Năm 2010 nguyên đơn đã có Đơn khởi kiện gửi TAND quận Kiến An yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ nguyên đơn cho các con. TAND quận Kiến An xử sơ thẩm ngày 18/5/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phúc thẩm ngày 10/7/2013 hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm lần 2, nguyên đơn đã viết Đơn khởi kiện gửi Tòa ngày 12/10/2020 yêu cầu chia di sản thừa kế của

cụ Nguyễn Thị T4, sau đó có Đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân quận Kiến An đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C. Ngày 28/9/2021, Tòa án quận K xét xử sơ thẩm và ra bản án số 12/2021/DS-ST với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 20/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm đã tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 nêu trên để xét xử sơ thẩm lại (Bản án phúc thẩm số 55/2022/DS-PT ngày 20/9/2022). TAND quận Kiến An tiếp tục xét xử sơ thẩm lại và ra bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023. Ngày 25/9/2023, ông M và bà M1 kháng cáo do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý xét xử phúc thẩm. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C và cụ T4 vẫn trong thời hạn luật định nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ C và cụ T4 để lại là quyền sử dụng diện tích đất thổ cư 1.225,8m<sup>2</sup> theo của pháp luật. Ông M cho rằng cụ C và cụ T4 đã cho ông M toàn bộ thửa đất nên ông M mới có tên trong sổ quản lý đất đai của địa phương. Tuy nhiên, lời khai của ông M về việc ông đứng tên trong sổ mục kê đối với thửa đất này không thống nhất, cụ thể: Tại thông báo phản hồi ý kiến ngày 18/11/2013 ông M trình bày ngày 16/11/1998, cụ C đã cầm quyền sổ phân chia đất từ năm 1995 đến UBND phường V để chuyển quyền sử dụng đất sang tên ông M nên ông M đã chính thức có tên trong sổ của UBND phường; tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2013, ông M trình bày việc ông M đứng tên trong sổ địa chính từ thời điểm nào thì ông M không biết, sau này khi có tranh chấp thì ông M mới biết ông đã đứng tên trong sổ địa chính của phường. Còn tại bản tự khai ngày 08/3/2023 ông M khai: Năm 1998 Nhà nước thực hiện công tác quản lý về đất đai, cụ C và cụ T4 đã đại diện cho gia đình phối hợp với chính quyền phường V thực hiện công tác đo vẽ, xác định ranh giới thửa đất phục vụ công tác tổng kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất để ghi nhận vào hồ sơ quản lý đất đai của chính quyền, hai cụ đã yêu cầu chính quyền đề tên ông M là người toàn quyền sở hữu các công trình trên đất và quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đất. Trong khi đó các nguyên đơn và UBND phường V đều xác nhận việc ông M đứng tên kê khai tại Sổ mục kê đất năm 1999 là do thời điểm này ông M đang quản lý, sử dụng nên thống nhất kê khai tên của ông M vì vậy việc ông M đứng tên trong sổ mục kê không phải là căn cứ xác định cụ C và cụ T4 đã cho đất ông M. Mặt khác, ông M trình bày, các cụ chỉ nói miệng, không có văn bản (lời khai của ông T8, bà L không được các nguyên đơn thừa nhận nên không đủ cơ sở xác định). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M xuất trình giấy chuyển nhượng đất ngày 29/9/2009 giữa ông T2 và ông M và trình bày đây là diện tích đất các cụ đã chia cho ông T2 và ông T2 bán lại cho ông M; tuy nhiên phía nguyên đơn xác định đây là ruộng đất canh tác các cụ đã tách sổ cho các con để đóng thuế, không phải phần đất ở (thổ cư) đang tranh chấp. Nội dung trình bày của nguyên đơn là có căn cứ bởi lẽ trong phần xác nhận của tổ trưởng tổ Đ tại giấy chuyển nhượng đất ngày 29/9/2009 cũng thể hiện việc ông T2 chuyển nhượng cho ông M diện tích đất canh tác và đầm cá. Diện tích đất chưa được cấp GCNQSD đất. Như vậy, toàn bộ diện tích thửa đất số 969 là di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4 chưa phân chia. Do đó việc Tòa án cấp sơ

thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia di sản của cụ C và cụ T4 theo quy định tại Điều 612 của BLDS 2015 là có căn cứ.

Về hàng thừa kế: Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ T4 gồm có: Bà T, ông T2, bà T3 và ông M.

Phương pháp chia: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Phạm Doãn M ở trên diện tích đất tranh chấp từ lúc sinh ra đến khi bố mẹ chết đi, có công sức nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác về sự tôn tạo, giữ gìn, trông nom đất, sự gần gũi chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ và nộp thuế sử dụng đất; do vậy, tính cho ông Phạm Doãn M thêm 01 suất thừa kế. Tuy nhiên thực tế vợ chồng ông M bà M1 ở trên thửa đất từ năm 1992 và đều có công sức gìn giữ, tôn tạo đất nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính công sức gìn giữ tôn tạo cho ông M là chưa đảm bảo, cần tính công sức gìn giữ tôn tạo cho cả vợ chồng ông M bà M1 và không tính công sức cho các con ông M, bà T9 là phù hợp nên không cần thiết phải đưa các con ông M, bà T9 vào tham gia tố tụng. Theo đó di sản của hai cụ để lại là 1.275,9m<sup>2</sup> chia thành 05 phần đều nhau (mỗi phần tương đương với diện tích 255,18 m<sup>2</sup>). Ông M, Bà T, ông T2, bà T3 mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế tương đương diện tích 255,18m<sup>2</sup>. Vợ chồng ông M bà M1 được 01 suất công sức gìn giữ, tôn tạo là 255,18m<sup>2</sup> (mỗi người hưởng ½). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T, ông T2 và bà T3 đề nghị được nhận chung diện tích đất được chia nên bà T, ông T2 và bà T3 cùng được hưởng diện tích đất là: 255,18 m<sup>2</sup> x 3 = 765,54 m<sup>2</sup>. Do trên diện tích đất tranh chấp hiện có một phần do ông M và bà M1 xây dựng công trình gồm: 01 nhà ở tường gạch, mái ngói (G1); 01 nhà phụ tường gạch, mái tôn kẽm (G2); lán bếp xà gồ, mái tôn kẽm (L); sân lát gạch đỏ (S); lối đi mặt đổ bê tông (BT); cổng inox (C). Phần còn lại trồng cây cối. Thửa đất có tường bao xung quanh. Để đảm bảo kết cấu vật kiến trúc, sự bền vững khối công trình cần chia cho ông M phần diện tích đất có các công trình này. Ông M và bà M1 là vợ chồng và hiện đang sử dụng các công trình này. Do ông M và bà M1 không hợp tác khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng định giá không xác định được giá trị của các công trình. Đồng thời các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án phân chia đối với phần giá trị của các công trình trên nên nếu sau này họ có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà T, ông T2, bà T3 phần diện tích đất có cây cối; ngoài ra trên phần đất chia cho bà T, ông T2, bà T3 còn có một phần cổng và tường do ông M và bà M1 tự ý xây dựng năm 2015 khi đất đang có tranh chấp mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác nên bà T, ông T2, bà T3 không phải trả cho ông M và bà M1 giá trị cổng và tường bao. Ông M và bà M1 có nghĩa vụ tháo dỡ phần tường bao và cổng để giao lại phần diện tích đất mà bà T, ông T2, bà T3 được chia. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T3 và ông T2 đề nghị được nhận dồn 02 diện tích đất S1, S3 mà Tòa án phúc thẩm chia chung thành 01 phần diện tích để thuận tiện cho việc sử dụng và đồng ý lấy giảm đi diện tích thửa S1 (105,9m<sup>2</sup>) tối đa là ½; bà T vắng mặt tại phiên tòa cũng có quan điểm thống nhất về vấn đề này. Quan điểm của nguyên đơn có lợi cho bị đơn cả về hình thức thửa đất, diện tích đất và thuận tiện cho việc sử dụng của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, giao vợ chồng ông M, bà M1 phần diện

tích đất có công trình kiến trúc kiên cố trên đất và phần đất trống giao cho phía nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo hướng: Vợ chồng ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 được 01 suất công sức gìn giữ, tôn tạo là 255,18m<sup>2</sup> (mỗi người 127,59m<sup>2</sup>). Ông M được chia 01 suất thừa kế và đồng nguyên đơn bà T2, bà T3, bà T được chia 03 suất thừa kế.

Về án phí và quyền kháng cáo: Do bà M1 là người thứ ba được hưởng công sức nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông M, bà T, ông T2, bà T3 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Do bản án bị sửa nên ông M, bà M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án có kháng cáo, kháng nghị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế:

[2] Theo Giấy Chứng tử cụ Phạm Doãn C, chết ngày 20/11/1998 và cụ Nguyễn Thị T4, chết ngày 21/02/2002). Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của 02 cụ trong thời hạn luật định nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[3] Năm 2010 nguyên đơn đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Kiến An yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ nguyên đơn là cụ C, cụ T4 cho các con, sau đó tại phiên tòa thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chia di sản của cụ T4. Tòa án nhân dân quận Kiến An xử sơ thẩm ngày 18/5/2012 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế là ½ quyền sử dụng đất của thửa đất 969 là 1.225,8m<sup>2</sup> đất. Bị đơn ông M và người có QLNVLQ bà M1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm do diện tích đất nói trên đã được cụ C cho ông M. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phúc thẩm ngày 10/7/2013 đã hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại lý do: Cấp sơ thẩm không xem xét đúng hiện trạng của thửa đất; kết quả định giá diện tích đất tranh chấp theo giá Nhà nước. Và Tòa án nhân dân quận Kiến An đã ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án trong đó thêm nội dung “Chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn liên đới bồi thường tài sản, cây cối, hoa màu trên đất cho ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 số tiền 3.000.000 đồng”

[4] Khi Tòa án nhân dân quận Kiến An thụ lý vụ án để xét xử sơ thẩm lại lần

2 theo đương sự trình bày, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn phải viết Đơn khởi kiện lại, nguyên đơn đã viết Đơn khởi kiện gửi Tòa ngày 12/10/2020 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T4. Sau đó, nguyên đơn nghiên cứu lại thấy hoàn toàn có thể khởi kiện đến Tòa án để chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, nguyên đơn đã viết Đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân quận Kiến An để nghị chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C. Tuy nhiên, Tòa án quận Kiến An đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C với lý do là đơn khởi kiện bổ sung vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu, thời điểm nguyên đơn nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Kiến An thì Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bản án sơ thẩm lần thứ 2 của Tòa án nhân dân quận Kiến An không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vì cho rằng diện tích đất tranh chấp cụ C đã cho ông M mặc dù không có văn bản và ông M chưa được cấp GCN. Nhưng khi làm hồ sơ địa chính các cụ còn sống và các đồng thừa kế khác không có ý kiến gì. Nguyên đơn đã kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế của cả bố mẹ nguyên đơn (cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4) là 1.225,8m<sup>2</sup> đất và các tài sản trên đất tại thửa 969

[5] Bản án phúc thẩm lần 2: Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2022/DS-PT ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Kiến An để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm nhận định: Việc Tòa án nhân dân quận Kiến An không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C với lý do nêu trên là không đúng, bởi chỉ có chia tất cả di sản thừa kế của hai cụ Nguyễn Thị T4 và cụ Phạm Doãn C thì mới giải quyết được toàn bộ vụ án. Việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C còn trong thời hiệu khởi kiện theo Bộ luật Dân sự 2015 và cùng một nội dung như nhau, cùng các chứng cứ như nhau trong việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T4. Việc Tòa án nhân dân quận Kiến An không chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp về chia di sản thừa kế được pháp luật bảo vệ của nguyên đơn. Hơn nữa, việc ông M đứng tên trên sổ mục kê chưa đủ căn cứ xác định cụ C và cụ T4 đã cho ông M quyền sử dụng thửa đất 969; các cụ chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế cần chia theo pháp luật. Cần thu thập thêm chứng cứ về nguồn gốc thửa đất, xem xét hiện trạng và định giá thửa đất. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C là không đúng vì không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu (đã xác minh nguồn gốc thửa đất, thẩm định, định giá..). Nếu việc thụ lý này làm phát sinh việc thu thập chứng cứ thì Tòa án cấp sơ thẩm cần thụ lý vụ án dân sự mới rồi nhập 2 vụ án làm một để giải quyết triệt để vụ án.

[6] Tòa án nhân dân quận Kiến An thụ lý sơ thẩm lại lần 3: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An chia toàn bộ di sản thừa kế của cả bố mẹ nguyên

đơn (cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4) là quyền sử dụng 1.275,9m<sup>2</sup> 1đất (theo đo vẽ thực tế) tại thửa 969, tờ bản đồ số 6 cụm Đ (nay là tổ Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng theo pháp luật. Nguyên đơn đề nghị chia di sản bằng hiện vật và các đồng nguyên đơn được nhận chung diện tích đất được chia. Toàn bộ di sản này hiện vợ chồng ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 đang quản lý sử dụng. Việc thu thập chứng cứ đã khắc phục theo định hướng của Bản án phúc thẩm lần 2 của TAND thành phố Hải Phòng.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì các lý do:

[7] Cụ C2, cụ T4 không có văn bản tặng cho ông M quyền sử dụng thửa đất (là di sản thừa kế) nhưng có tuyên bố bằng miệng trước những người cao tuổi thuộc chi 3 dòng họ P: Việc tuyên bố cho này chỉ có bị đơn trình bày, các nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn trình bày hiện nay, chỉ còn cụ Phạm Doãn T10 còn sống nhưng già yếu, trí nhớ không còn minh mẫn nên không làm chứng được. Quan điểm này của bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[8] Hồ sơ địa chính năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K đều đứng tên ông Phạm Doãn M: Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện hiện khi kê khai đồng loạt để làm hồ sơ địa chính, địa phương kê khai tên ông M vì ông M là người đang quản lý sử dụng thửa đất này. Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân phường V ngoài việc căn cứ vào tài liệu hiện lưu tại ủy ban còn phải xác minh nguồn gốc của thửa đất và tình trạng tranh chấp của thửa đất. Nguồn gốc của thửa đất theo chính quyền địa phương cung cấp, phù hợp với trình bày của các đương sự đều thống nhất diện tích đất tranh chấp do ông cha của ông M để lại, còn việc đã cho ông M hay chưa thì chính quyền địa phương không nắm được.

[9] Bị đơn trình bày khi cơ quan có thẩm quyền đến đo vẽ ông Phạm V1 (Doãn) Thân đã từ chối đứng tên vì diện tích đất được cụ C2, cụ T4 tặng cho ông M. Tuy nhiên, các nguyên đơn đều không thừa nhận mà chỉ thống nhất khai: Thời điểm đo vẽ các anh em trong gia đình thống nhất để ông M đại diện đứng tên, sau này sẽ chia tách cho từng người.

[10] Sau khi được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng ông M sinh sống ổn định, đóng thuế hàng năm và lo mọi chi phí phụng dưỡng bố mẹ ốm đau, xây mộ, cải tạo thửa đất... Nguyên đơn trình bày thường xuyên qua lại chăm sóc bố mẹ già. Tòa án xét thấy, việc phụng dưỡng cha mẹ là nghĩa vụ, trách nhiệm của các con và ai sinh sống trên đất thì phải nộp thuế sử dụng đất. Do vậy, đây không phải là căn cứ xác định cụ C2 và cụ T4 đã tặng cho ông M quyền sử dụng đất tranh chấp nói trên và cũng không xác định là nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Việc bị đơn trình bày khi cụ C2 còn sống đã tách quyền sử dụng đất thành 03 quyền cho cụ và 02 con trai

nhưng bị đơn không có tài liệu chứng minh, nguyên đơn trình bày việc tách giấy tờ này là đất nông nghiệp để cấy lúa nên không có căn cứ xem xét.

[11] Bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ tài sản trên đất (ngoài nhà trên đất) là di sản thừa kế gồm có những gì. Tuy nhiên, nguyên đơn xác nhận tài sản trên đất là di sản thừa kế chỉ có nhà 3 gian lợp ngói, 2 gian bếp, bể nước do cụ C2, cụ T4 xây dựng đã xuống cấp. Vợ chồng ông M, bà M1 đã phá đi xây lại toàn bộ nên di sản thừa kế chỉ là quyền sử dụng đất; nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản trên đất. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông M và người liên quan bà M1 không hợp tác; không cho đoàn thẩm định, định giá vào đo vẽ nên không định giá được tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế phần cho nguyên đơn là phần đất trống, không có công trình tài sản kiên cố. Do vậy, việc xác định di sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng; quan điểm của phía bị đơn là không phù hợp.

[12] Phân công sức quản lý di sản Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính bằng 1 suất công sức cho ông M mà không tính công sức cho bà M1. Và 1 suất công sức chưa đảm bảo quyền lợi của ông M, bà M1 (đóng thuế, xây mộ...). Theo án lệ, suất công sức trong trường hợp này được tính 01 suất thừa kế là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính 01 suất công sức chỉ có phần của ông M là chưa đảm bảo quyền lợi của bà M1. Vì bà M1 kết hôn với ông M và về ở chung cùng cụ C2, cụ T4 từ năm 1992 (trước khi hai cụ chết) nên 01 suất công sức gìn giữ, quản lý, tôn tạo di sản phải được tính chung cho cả vợ chồng ông M và bà M1.

[13] Hai con của ông M, bà M1 là anh T7 và anh H2 cũng sinh sống trên đất cùng bố mẹ nhưng khi các cụ chết, anh T7 (06 tuổi) và anh H2 (02 tuổi) còn nhỏ tuổi nên phải đánh giá không có công sức đóng góp gì vào việc giữ gìn, tôn tạo di sản thừa kế; do đó không được hưởng công sức là đúng. Tại giai đoạn phúc thẩm, anh T7 trình bày có đóng góp 1.000.000.000 đồng cho ông M, bà M1 để xây nhà năm 2015. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm các đương sự không trình bày, anh T7 không có văn bản gửi Tòa án; hiện nay anh T7 cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Việc anh T7 và anh H2 trình bày sinh sống trên thửa đất cùng với ông M, bà M1 nhưng khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, gia đình bị đơn không hợp tác, không cho đoàn vào làm việc. Hơn nữa, phần tài sản trên đất thuộc sở hữu của bị đơn, nguyên đơn thừa nhận và không yêu cầu chia tài sản trên đất. Phần diện tích đất Tòa án cấp sơ thẩm chia cho nguyên đơn là diện tích đất trống, chỉ có 1 phần nhỏ là công và ngõ bê tông do ông M, bà M1 xây dựng nhưng xây từ năm 2015 - khi các bên đã xảy ra tranh chấp (từ năm 2010) và đang giải quyết tại Tòa án. Vì vậy, không cần thiết đưa anh T7 và anh H2 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[14] Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà M1 về việc hủy bản án sơ thẩm.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[15] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4 là quyền sử dụng diện tích đất thổ cư theo đo vẽ thực tế là 1.275,9m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng theo pháp luật

[16] Về thời điểm mở thừa kế: Phạm Doãn C, chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị T4, chết năm 2002 đều không để lại di chúc nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ C là năm 1998 và di sản của cụ T4 là năm 2002.

[17] Về diện, hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất xác định bố mẹ của cụ C, cụ T4 đều chết trước 02 cụ từ lâu. Cụ C, cụ T4 có 05 con chung, trong đó có 01 người con là Phạm Doãn C1 chết khi 06 tuổi; không có con nuôi, con riêng, cha mẹ nuôi nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ T4 chỉ có 04 người là: Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị T3 và ông Phạm Doãn M.

[18] Về nguồn gốc thửa đất và di sản thừa kế: Căn cứ vào tài liệu xác minh là hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường V bao gồm bản đồ địa chính, sổ mục kê đất năm 1999 thì thửa đất số 969 là loại đất thổ cư, đứng tên đăng ký sử dụng là ông Phạm Doãn M. Theo Ủy ban phường V cho biết tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1998, ông M là người đang quản lý, sử dụng thửa đất nên cơ quan đo đạc ghi tên ông Phạm Doãn M. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông M để lại, còn việc họ đã cho ông M hay chưa thì chính quyền địa phương không nắm được. Bị đơn ông M cho rằng cụ C và cụ T4 đã cho ông M toàn bộ thửa đất, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này nên không có cơ sở xác định ông M được sử dụng hợp pháp thửa đất trên. Các đương sự khai thống nhất phù hợp với biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V và những người làm chứng xác định nguồn gốc diện tích 1.275,9m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 là của cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4 và là di sản thừa kế. Vì vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản của cụ C và cụ T4 để lại là quyền sử dụng diện tích 1.275,9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 theo pháp luật quy định tại các điều 677; 678 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[19] Về công sức gìn giữ, quản lý di sản: Ông Phạm Doãn M ở trên diện tích đất tranh chấp từ lúc sinh ra đến khi bố mẹ chết đi và quản lý di sản cho đến ngày nay. Bà M1 kết hôn với ông M và sống chung cùng cụ C, cụ T4 từ trước khi các cụ chết nên cũng có công sức trong việc giữ gìn, quản lý di sản. Anh T7 và anh H2 sống cùng bố mẹ, khi các cụ chết vẫn còn nhỏ tuổi nên không được tính công sức gìn giữ, quản lý di sản là phù hợp. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông M và bà M1 thêm 1 suất thừa kế là công sức tôn tạo, giữ gìn, nộp thuế đất... di sản thừa kế. Như vậy 1 suất thừa kế được là:  $1.275,9\text{m}^2 : 5 = 255,18\text{m}^2$ . Do diện tích đất có chiều tiếp giáp mặt ngõ rộng, các đồng nguyên đơn đề nghị chia hiện vật và nhận chung diện tích đất nên không cần thiết phải để lời đi chung.

[20] Về phương án chia thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng vợ chồng ông M, bà M1 đều cản trở, khoá cổng không cho tiến hành đo vẽ để xác định hiện trạng thửa đất và xác định các tài sản trên đất. Tòa án đã giải thích cho ông M, bà M1 thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, tạo điều kiện để Tòa án thực hiện việc khảo sát, đo vẽ xác định hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất, xác định các tài sản trên nhưng ông M, bà M1 không hợp tác; các thành viên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã quan sát bên ngoài và bằng các nghiệp vụ khác đã xác định: Thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 có tường bao xung quanh được xây bằng gạch chỉ cao trung bình khoảng 2m, tường phía trước cao 1,1m phía trên có hàng rào inox cao 60cm; trên thửa đất có 01 nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn mạ màu; 01 khu nhà vệ sinh + nhà phụ; 01 lán tôn kẽm; 01 sân lát gạch đỏ; 01 lối đi đổ bê tông; 01 cổng inox kích thước 3mx2,5m; trong vườn có 03 cây mít phi 10, 03 cây mít phi 0,5, 01 cây dừa. Diện tích đất hiện trạng 1.275,9m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất trị giá 8.000.000 đồng/1m<sup>2</sup>; tuy nhiên, Hội đồng định giá không tiếp cận, khảo sát được tài sản đang tranh chấp nên không có căn cứ để định giá tài sản. Vì vậy, giao cho bị đơn ông M phần diện tích có tài sản trên đất là phù hợp để đảm bảo kết cấu vật kiến trúc, sự bền vững khối công trình. Chia cho bà T, ông T1 và bà T3 phần diện tích đất có cây cối. Ngoài ra còn có cổng, phần ngõ bê tông và tường bao xung quanh đất, cây cối của cụ C và cụ T4. Tuy nhiên, cổng và tường bao này do ông M và bà M1 tự ý xây dựng khi đất đang có tranh chấp mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác (tại phiên tòa ông M và bà M1 khai xây năm 2015) nên bà T, ông T1 và bà T3 không phải chi trả cho ông M và bà M1 giá trị cổng, ngõ bê tông và bức tường bao của phần đất mà họ được chia. Ông M và bà M1 có nghĩa vụ tháo dỡ phần tường bao và cổng để giao lại phần diện tích đất mà bà T, ông T1 và bà T3 được chia cho bà T, ông T1 và bà T3.

[21] Do ông M và bà M1 không hợp tác khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng định giá không xác định được giá trị của các công trình, cây cối và phần san lấp ao. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày nếu được thẩm định, định giá lại sẽ hợp tác, tạo điều kiện để đoàn thẩm định, định giá tài sản. Tuy nhiên, vụ án đã được xét xử sơ thẩm 03 lần, bị đơn đều không hợp tác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại của bị đơn vì đã là giai đoạn xét xử phúc thẩm. Hội đồng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đã cho các đương sự tự xác định giá trị cây cối và phần san lấp ao nhưng bị đơn ông M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M1 không đưa ra giá trị. Đồng thời giữa họ cũng không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án phân chia đối với phần giá trị của các công trình trên nên nếu sau này họ có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[22] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các đồng nguyên đơn đều thống nhất đề nghị Tòa án dồn hai phần diện tích S1, S3 mà Tòa án sơ thẩm chia chung cho nguyên đơn vào một phần diện tích (phía S3) và đồng ý nhận phần diện tích S1 thấp hơn phần được Tòa án sơ thẩm chia (tối đa ½ diện tích). Xét đề nghị của nguyên đơn có

lợi cho bị đơn cả về diện tích đất và hình thể thửa đất và thuận tiện cho việc sử dụng của cả nguyên đơn và bị đơn nên chấp nhận.

[23] Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1 (Phạm Doãn T2), bà Phạm Thị T3 được hưởng chung:  $255,18 \text{ m}^2 \times 3 = 765,54 \text{ m}^2$ . Khi dồn 02 phần diện tích S1 vào phần diện tích S3 lấy thêm về phía cổng và ngõ bê tông nên diện tích các đồng nguyên đơn bà T, ông T2, bà T3 được nhận chung là  $724,43 \text{ m}^2$  (ký hiệu thửa S2)

[24] Bà Vũ Thị M1 được hưởng công sức gìn giữ, bảo quản di sản:  $1/2 \times 255,18 \text{ m}^2 = 127,59 \text{ m}^2$

[25] Bị đơn ông Phạm Doãn M được hưởng:  $1275,9 \text{ m}^2 - 724,43 \text{ m}^2 - 127,59 \text{ m}^2 = 423,88 \text{ m}^2$ .

[26] Như vậy, tổng diện tích ông M và bà M1 được nhận chung là:  $423,88 \text{ m}^2 + 127,59 \text{ m}^2 = 551,47 \text{ m}^2$

[27] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[28] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự ông M, bà T, bà T3, ông T2 là người cao tuổi (trên 60 tuổi), đã có đơn và có yêu cầu Hội đồng xét xử miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà M1 là người thứ ba được hưởng công sức nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[29] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên ông M, bà M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

[30] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 634; 636; 637; 638; 639; 677; 678; 679; 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ các điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1.

Sửa Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C và cụ Nguyễn Thị T4 là quyền sử dụng 1.275,9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng theo pháp luật.

1.1. Bị đơn ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 được quyền sử dụng diện tích đất 551,47m<sup>2</sup> đất (trong đó phần của bà M1 được quyền sử dụng 127,59m<sup>2</sup> đất) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng bao gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 8-1, 19, 20, 21, 1 (ký hiệu thửa S1). Trên đất có các tài sản: 01 nhà ở (G1); 01 nhà phụ (G2); lán bếp xà gỗ, mái tôn kẽm (L); sân lát gạch đỏ (S). Các tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1.

1.2. Các nguyên đơn bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị T3 được quyền sử dụng chung diện tích đất 724,43 m<sup>2</sup> (trong đó bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị T3 mỗi người được quyền sử dụng 241,47 m<sup>2</sup> đất) tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ Đ (trước là cụm Đ), phường V, quận K, thành phố Hải Phòng bao gồm các mốc 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 8-1, 8 (ký hiệu thửa S2). Trên đất có một phần công, một phần ngõ bê tông, tường bao và cây cối.

1.3. Diện tích đất các đương sự được hưởng thừa kế có sơ đồ, mốc giới kèm theo. Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia theo quy định của pháp luật.

1.4. Buộc bị đơn là ông Phạm Doãn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị M1 phải tháo dỡ phần công, ngõ bê tông và tường bao đối với phần diện tích đất mà bà T, ông T1 và bà T3 được giao.

## 2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T1, bà T, bà T3 và ông M là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Vũ Thị M1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003833 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Kiến An,  
TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An,  
thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thu**